

Xã hội học nông thôn Việt Nam - Một số thành quả nghiên cứu và khả năng vận dụng

TÔ DUY HỢP

Có thể bắt đầu từ công trình hợp tác giữa các chuyên gia ngoài với Việt Nam: "Khảo cứu xã hội học và các vấn đề phát triển nông thôn ở Đông Nam Á (La Recherche Sociologique et Les problemes du développement rural en Asie du Sud- Est". Bi, Unesco, 1963). Đó là kết quả khảo sát, điều tra xã hội học nông thôn, được tiến hành ở miền Nam Việt Nam giữa năm 1960, dưới sự tài trợ của UNESCO và FAO. Có một số nét có thể nghiên cứu ở công trình này: 1) *Tiếp cận khu vực trong nghiên cứu xã hội học nông thôn*, đặt nông thôn Việt Nam trong hệ thống lớn hơn là khu vực Đông Nam Á để tìm ra những nét chung của cả khu vực, đồng thời làm rõ đặc thù nông thôn Việt Nam. Cách tiếp cận hệ thống xã hội này có những gợi ý nghiên cứu tốt. 2) *Xây dựng một bảng liệt kê khá đầy đủ những đặc điểm chung của khu vực Đông Nam Á* về dân số, cơ sở vật chất - kỹ thuật, kinh tế, chính trị, tinh thần, văn hóa, phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể như sau: 2.1) Mật cân đối dân số (giữa các vùng trong miền, nhất là giữa miền núi và vùng đồng bằng); 2.2) cơ cấu dân tộc phức tạp có nhiều dân tộc ít người; 2.3) có sự tương phản giữa ruộng ngập nước và đất khô cạn; 2.4) các thiết bị tập thể không đầy đủ, nhất là cơ sở kinh tế và đường giao thông; 2.5) Thu nhập của nông dân không đủ, do thiếu công ăn việc làm và sự yếu kém của năng suất nông nghiệp; 2.6) xu hướng khoan thứ - điều này gạt bỏ các xung đột giai cấp và tôn giáo; 2.7) ảnh hưởng tinh thần của một số tín ngưỡng có tính chất kim hãm các mong muốn tiến bộ vật chất; 2.8) các nguyện vọng không được thỏa mãn và đồng thời khối nông dân có tính thụ động đối với một số lĩnh vực hoạt động; 2.9) sự tồn tại của các nền văn minh cổ truyền, có luật lệ, phong tục riêng; 2.10) sự tồn tại gia đình theo quan hệ họ hàng; 2.11) đời sống ở làng rất mạnh mẽ; 2.12) học vấn nhà trường rất hạn chế và đôi khi không thích hợp; 2.13) chậm chạp trong thay đổi kỹ thuật và chậm chạp còn lớn hơn trong các thay đổi xã hội; 3) Từ đó rút ra kết luận, mang tính chất khuyến nghị chung về *sự cần thiết phải hiện đại hóa đời sống nông thôn tại Đông Nam Á*. 4) Có một số nhận định và khuyến nghị phát triển kinh tế - xã hội nông thôn Việt Nam có vẻ hợp lý. Chẳng hạn, sự ghi nhận môi trường nông thôn Việt Nam có 4 đặc điểm lớn: 1) Ý thức cộng đồng làng xã; 2) Không có tâm tính tư bản chủ nghĩa; 3) Không có tính cá nhân cực đoan; 4) Khủng hoảng bản cùng hóa. Hay ý kiến đưa ra 3 nguyên nhân làm cho kinh tế kém phát triển ở Việt Nam, đó là 1) lịch sử, 2) địa lý và 3) văn hóa, đối với nhân tố văn hóa ông chủ trương có thể thay đổi bằng cách tăng cường duy lý và du nhập kỹ thuật mới, tức là kỹ nghệ hiện đại. Hoặc có những khuyến cáo khi phát triển kinh tế, phát triển kỹ nghệ mới không nên phá hủy kết cấu truyền thống. Vì ngoài nhu cầu tăng thu nhập còn có vấn đề văn minh xã hội. Khôn ngoan hơn cả là chọn mục tiêu nâng cao "mức thăng bằng", nghĩa là chuyển dần từ thăng bằng cũ sang thăng bằng mới v.v...; 5) Cũng trong công trình này ta có thể xem xét bản liệt kê các dữ kiện chung (các chỉ báo về môi trường, và về nhân tố con người, xã hội), gợi ý lập bảng hỏi trong

điều tra xã hội học nông thôn. Như vậy có thể coi đây là kinh nghiệm ban đầu của nghiên cứu xã hội học nông thôn cả về mặt lý thuyết lẫn thực nghiệm khoa học.

Công trình nghiên cứu xã hội học có ý nghĩa là công trình của F. Houtart và G. Lemercinier: "*Hải Vân - Một xã ở Việt Nam. Đóng góp của xã hội học vào việc nghiên cứu những sự quá độ*" (Haivan - une commune Rurale Vietnamienne Contribution Sociologique A. l'etude des transitions. Nhà xuất bản Trung tâm nghiên cứu xã hội học tôn giáo. Đại học Louvain. Bỉ. 1980). Nhiều cán bộ nghiên cứu của Viện Xã hội học ngày nay đã cộng tác chặt chẽ với F. Houtart và G. Lemercinier để hoàn thành công trình này, qua đó trưởng thành lên về mặt nghiên cứu thực nghiệm bằng *các kỹ thuật bảng hỏi, phỏng vấn sâu, nghiên cứu sâu mẫu đại diện* và cả về mặt lý thuyết xã hội học, đặc biệt là *Lý thuyết phát triển xã hội nông thôn*. Công trình "Hải Vân - một xã ở Việt Nam..." của F. Houtart và G. Lemercinier có ý nghĩa phương pháp luận nghiên cứu khoa học to lớn, bởi vì nó đặt ra và góp phần giải quyết vấn đề trước mắt của chiến lược phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn Việt Nam: *Vấn đề xã hội quá độ*. Cách tiếp cận này không mâu thuẫn loại trừ, trái lại đã bổ sung, cụ thể hóa cách tiếp cận chung vừa nêu trên. Hiện đại hóa là đường lối chung, lâu dài; quá độ là đường lối cụ thể trước mắt, có sứ mệnh chuẩn bị đầy đủ tiền đề, điều kiện cho công cuộc hiện đại hóa nghĩa là công cuộc chuyển đổi hệ thống xã hội truyền thống lạc hậu thành hệ thống xã hội văn minh hiện đại, tiên tiến. Công trình "Hải Vân - một xã ở Việt Nam. Đóng góp của xã hội học vào việc nghiên cứu những sự quá độ" đã *để lại một kho tư liệu khảo sát, điều tra xã hội học quý giá về thực trạng của những năm tháng thử nghiệm đường lối quá độ kiểu cũ ở nông thôn*: phong trào tập thể hóa kinh tế nông thôn định hướng tiến thẳng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Xã hội học nông thôn hiện nay đang đứng trước khung cảnh xã hội khác hẳn mấy chục năm về trước: *khung cảnh đổi mới kinh tế - xã hội*. Những nghiên cứu xã hội học nông thôn trong mấy năm qua đã triển khai trên cả hai hướng: một mặt, bằng khảo sát điều tra xã hội học làm sáng tỏ thực trạng đổi mới kinh tế - xã hội ở nông thôn và mặt khác, tích cực góp phần xây dựng chủ thuyết phát triển kinh tế - xã hội nông thôn để làm cơ sở khoa học cho chiến lược phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn theo kiểu mới.

Các cuộc khảo sát, điều tra xã hội học qua mẫu đại diện trong mấy năm qua cho thấy rõ một số nét đặc trưng của thực trạng và xu hướng biến đổi của cơ cấu xã hội và các thiết chế xã hội ở nông thôn: 1) Tốc độ tăng tự nhiên của dân số có xu hướng giảm, song *hết sức chậm chạp*, do một mặt cuộc vận động giảm mức sinh đạt thành tích còn hạn chế và mặt khác Chính sách di dân chưa thành công; 2) Tỉ lệ dân số nông thôn tiếp tục giảm theo tất yếu lịch sử - tự nhiên, song cũng *hết sức chậm chạp*; 3) Tỉ lệ dân số nông nghiệp và cả lao động nông nghiệp có xu hướng tăng chút ít, tuy mức độ nhỏ, song vẫn đáng lo ngại vì điều đó chứng tỏ hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn bị suy giảm tương đối, và điều này chứng tỏ cơ chế thị trường chưa hoạt động mạnh mẽ ở nông thôn; 4) Tuy mức độ và quy mô rất không đều, song ở các làng xã đang diễn ra các quá trình chuyển đổi cơ cấu xã hội, đổi mới các thiết chế xã hội; 4.1) Cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp đang chuyển đổi theo hướng giảm trừ thuần nông, tăng thêm phi nông nghiệp hóa dưới 2 hình thức: phi nông nghiệp hoàn toàn và hỗn hợp nông nghiệp với phi nông nghiệp. Tốc độ chuyển đổi nói chung rất chậm chạp, quy mô chưa rộng khắp. Hiện thời chưa có hiện tượng đột biến. Nhìn chung, vẫn do lịch sử để lại, cộng thêm một vài biến đổi nhỏ. Có 3 loại làng xã, trong đó có 3 loại hộ gia đình và 3 loại lao động: trước hết là làng xã (hộ, lao động) *nông nghiệp*, tiếp đến là

làng xã (hộ, lao động) *hỗ trợ* nông nghiệp với phi nông nghiệp. *Lợi thế thị trường hiện nay thuộc nhóm làng xã (hộ, lao động) sản xuất - kinh doanh tổng hợp, nhờ đa dạng hoá việc làm, ngành nghề mà tăng trưởng nhanh, mạnh* năng động hóa thị trường; 4.2) Phân tầng xã hội, trước hết là phân tầng mức sống đang diễn ra ở nông thôn. *Cơ cấu phân tầng nói chung có dạng giống hình thoi*, đỉnh chóp trên là nhóm làng xã (hộ, người) giàu có, dưới đó là nhóm làng xã (hộ, người) *khá giả* đại bộ phận là làng xã (hộ, người) có mức sống *trung bình* (đủ ăn nói riêng), dưới mức này là nhóm làng xã (hộ, gia đình) *nghèo đói*. Thường là *nghèo đói tương đối*, tức là có mức sống dưới trung bình tại địa phương, song có cả *nghèo đói tuyệt đối*, nghĩa là không đủ sức bảo đảm nhu cầu cơ bản tối thiểu của cuộc sống: ăn, mặc, ở. Tỉ trọng của các nhóm sung túc (giàu có, khá giả) và nghèo đói (thiếu ăn, cùng cực) tùy thuộc năng lực địa phương. ở các làng xã sung túc, nhóm hộ (người) sung túc lớn hơn nhóm hộ (người) nghèo đói. ở các làng xã nghèo đói thì ngược lại, nhóm hộ (người) nghèo đói nhiều hơn hẳn nhóm hộ (người) sung túc. Đặc điểm chung của công cuộc đổi mới kinh tế xã hội cho thấy *khoảng cách giàu - nghèo tiếp tục tăng lên*, từ không đáng kể đến đáng kể, từ 5 - 6 lần lên 9 - 10 lần, có nhiều trường hợp đã lên mấy chục lần, thậm chí trăm lần. Song mặt khác, *cả xã hội nông thôn đã khá giả hơn trước, đó là nhờ mức sống trung bình ngày càng được nâng cao*. Đủ ăn trước đây là đủ ăn lương thực quy thóc, nay đủ ăn có nghĩa là đủ gạo ăn, có thể chọn gạo thơm ngon; đủ ăn trước đây chỉ một bộ quần áo/1 năm, nay có 2 bộ, có trường hợp thêm một quần hoặc áo/ 1 năm; ở đồng bằng sông Hồng mức đủ ăn ngày nay đều ở nhà xây mái ngói, tiện nghi trong nhà có từ 1 đến 2 xe đạp, có thể có tivi đen trắng...; 4.3) Đời sống văn hóa nông thôn đa dạng, phong phú hơn thời kỳ tập thể hóa, một mặt người ta khôi phục vốn cổ dân tộc, tôn tạo lại đình chùa, tổ chức lại các lễ hội truyền thống, mặt khác, du nhập nhiều hơn các phương tiện nghe nhìn hiện đại như radio - cassette, tivi, vi deo... và qua đó du nhập dần tri thức, thông tin, văn hóa nghệ thuật hiện đại. Hai xu hướng đang cạnh tranh trong định hướng giá trị mới. Xu hướng thứ nhất đề cao giá trị mới trọng giàu, trọng tiền và xu hướng thứ hai vẫn tiếp tục đề cao các giá trị truyền thống (trọng đạo đức, trọng tình nghĩa, trọng người già, trọng chức sắc...) và các giá trị cách mạng (trọng lãnh tụ, trọng cán bộ). Cũng có nhiều dấu hiệu đang hình thành xu hướng thứ ba *hỗ trợ dung các giá trị văn hóa, văn minh*: tiếp tục đề cao giá trị mới (trọng giàu, trọng tiền, trọng văn minh hiện đại) song không hạ thấp các giá trị truyền thống và cách mạng. Muốn thế người ta phải cải biên truyền thống, đổi mới cách mạng để thích nghi với xã hội văn minh hiện đại, mặt khác, phải lựa chọn, tối ưu cấu trúc văn minh hiện đại sao cho phù hợp với cốt cách và điều kiện xã hội nông thôn Việt Nam. Công việc này đang diễn ra hàng ngày hàng giờ ở các địa phương; Những biến đổi của các thiết chế xã hội ở nông thôn có tính hai mặt mâu thuẫn nhau khá phức tạp, một mặt phù hợp tiến bộ kinh tế - xã hội (mặt tích cực), mặt khác có biểu hiện gây khó khăn, trở ngại thậm chí trái với tiến bộ kinh tế - xã hội (mặt tiêu cực). Chẳng hạn, thiết chế gia đình nông thôn nói chung, kinh tế hộ gia đình nông thôn nói riêng, hiện nó có mặt rất tích cực là thi đua xóa đói, giảm nghèo, làm giàu bằng cơ chế thị trường. Song mặt trái của nó là cá nhân vẫn chưa được giải phóng triệt để, đây sẽ là trở lực đối với yêu cầu chuyển đổi nhanh, mạnh kinh tế nông thôn sang kinh tế thị trường định hướng hiện đại hóa. Hay là thiết chế giáo dục, hiện nay có mặt rất tích cực là trẻ em và cả người lớn ở nông thôn thi đua tìm thêm việc làm, học thêm nghề mới để tăng nhanh thu nhập kinh tế hộ gia đình; song mặt trái của nó là ít người tích cực nâng cao học vấn phổ thông, chưa nói học vấn cao đẳng, đại học. Nếu hệ thống giáo dục học đường không đổi mới thích hợp thì nguy cơ giảm sút dân trí nông thôn sẽ là cái giá đắt phải trả trong thập kỷ tới tức là vào ngưỡng cửa của thiên niên kỷ mới. Thiết chế y tế cũng vậy, y tế tư nhân đang nở rộ như nấm mọc lên sau cơn mưa, có mặt tích cực của nó là bảo

đảm dịch vụ y tế kịp thời, tiện lợi; song mặt trái của nó cũng đang dần bộc lộ ra như: thuốc giả, thầy thuốc rởm v.v... nếu y tế nhà nước tiếp tục tình trạng như hiện nay thì sự nghiệp chăm sóc sức khỏe, nhất là chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân khó lòng bảo đảm tốt đẹp Kết quả phản hồi âm (tác động xấu) lên phát triển kinh tế và các lĩnh vực xã hội khác.

Vấn đề hoàn thiện hệ thống dữ liệu khảo sát điều tra xã hội học nông thôn hiện nay đang được đặt ra khá cấp bách. Một là *mở rộng đường dữ liệu bao quát được tất cả các vùng, miền nông thôn cả nước*. Hai là, và điều này còn có ý nghĩa quan trọng hơn. Đó là *nâng cao chất lượng thông tin* bằng cách chọn mẫu chính xác hơn, phối hợp nhiều phương pháp và kỹ thuật thu thập, xử lý, tổng hợp thông tin. Nghiên cứu thực nghiệm khoa học - ngày nay không thể chỉ mò mẫm, thử sai như những bước đi ban đầu của xã hội học. *Cần - chủ động đề xuất các giả thuyết khoa - học* để có kỳ vọng chuyển chúng thành lý thuyết khoa học mới. Muốn thế *cần phải tiếp tục hoàn thiện khung lý thuyết xã hội học nông thôn Việt Nam*. Cốt lõi của nó chính là *chủ thuyết* phát triển kinh tế xã hội nông thôn Việt Nam. Trên cơ sở các dữ liệu khảo sát, điều tra xã hội học về thực trạng và xu hướng biến đổi kinh tế xã hội nông thôn trong mấy năm đổi mới vừa qua, cộng với sự tổng kết bài học kinh nghiệm phát triển nông thôn của các nước đang phát triển, nhất là các con rồng châu Á chúng ta có thể hình dung những nét sơ khởi của chủ thuyết phát triển kinh tế - xã hội nông thôn ngày nay như sau:

1. Xuất phát điểm là thực trạng kinh tế - xã hội nông thôn Việt Nam ngày nay - Cho đến nay: *kết cấu kinh tế - xã hội cơ bản của nông thôn Việt Nam vẫn là xã hội nông thôn, nông nghiệp nông thôn truyền thống* khép kín, tự cung tự cấp kỹ nghệ lạc hậu, mức sống thấp, dân trí thấp. Các công cuộc cải cách và cách mạng trong lịch sử, kể cả công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội hiện nay chưa đủ sức cải tạo kết cấu kinh tế - xã hội cơ bản cũ này để chuyển nó thành kết cấu kinh tế - xã hội cơ bản mới: hiện đại, tiến tiến.

2. Thực chất của công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội nông thôn hiện nay là tiếp tục đường lối quá độ, song không theo kiểu cũ mà theo kiểu mới. *Cốt lõi của quá độ kiểu mới là chuyển sang kinh tế thị trường dưới sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa*. Và để bảo đảm sự nhất quán lôgic của quá độ kiểu mới, các lĩnh vực chính trị, văn hóa xã hội cũng phải chuyển đổi sao cho phù hợp với chuyển đổi kinh tế. Mở rộng dân chủ hóa thật sự, đa dạng hóa các hình thức hoạt động văn hóa, mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế chính là nhằm đạt yêu cầu đó. *Tất cả đều nhằm mục tiêu chung: dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh hiện đại*.

3. Nhất quán với quá độ kiểu mới là đường lối hiện đại hóa kiểu mới. *Hiện đại hóa kiểu mới có 3 nội dung chính: đô thị hóa kiểu mới công nghiệp hóa kiểu mới và định hướng xã hội chủ nghĩa kiểu mới*. Kiểu mới khác với kiểu cũ căn bản ở những điểm nào? Xã hội học chỉ có thể góp phần nhỏ bé vào tương lai học nói chung, dự báo phát triển kinh tế - xã hội nói riêng cũng phải sử dụng sức mạnh tổng hợp liên ngành may ra mới chỉ ra được những đường nét của kịch bản phát triển vừa đúng đắn vừa khả thi. Trước mắt ta có thể trông thấy một vài dấu hiệu nông thôn Việt Nam lựa chọn mô hình đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa kiểu mới. Đến xã Ninh Hiệp (Gia Lâm, Hà Nội),¹ xã giàu có và năng động thị trường nhanh nhạy vào bậc nhất của đồng bằng Bắc Bộ và ở nông thôn Việt Nam nói chung ta thấy khá rõ *sự lựa chọn ưu tiên đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại chỗ*: theo hướng "rời nghề nông không rời quê hương". Thực chất của sự lựa chọn này là *ưu chuộng đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa phi tập trung hóa*. Mặt khác, đến đô thị lớn như Hà Nội hoặc khu công nghiệp lớn như công nghiệp than ở Hồng Gai, Cẩm Phả ta

lại thấy dòng người thoát ly nông thôn ra đô thị hoặc khu công nghiệp để tìm kiếm công ăn việc làm và trụ lại ở đó, thậm chí không được phép cũng tiếp tục "cư trú lỳ" ở đó ngày càng tăng lên. Như vậy là *đường lối đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa tập trung hóa vẫn còn sức sống*. Có thể dự báo mô hình *đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa kiểu mới ở nông thôn Việt Nam sẽ là hỗn dung, kết hợp cả 2 đường lối cũ (tập trung hóa cao độ) và mới (phi tập trung hóa cao độ) để đạt tới sự cân bằng tối ưu giữa nông thôn và đô thị, nông nghiệp và phi công nghiệp, giữa trung ương với địa phương*. Còn một sự cân bằng nữa hết sức quan trọng cần được tối ưu hóa, đó là cân đối giữa tăng trưởng kinh tế thị trường với công bằng xã hội nói riêng, tiến bộ xã hội nói chung. Xu thế chung của ý thức và nguyện vọng người dân nông thôn là không chạy đua làm giàu với mọi giá. Người dân nông thôn, nhất là nông dân Việt Nam dễ chấp nhận chủ nghĩa xã hội hơn là chủ nghĩa tư bản, đó là do tính cộng đồng truyền thống quy định. Do đó, phải xác định định hướng xã hội chủ nghĩa kiểu mới. Sẽ không nhân danh lợi ích gọi là tối cao của toàn thể xã hội để hạn chế hoặc thủ tiêu lợi ích cá nhân. Mặt khác, việc đề cao lợi ích cá nhân sẽ không được dẫn tới chủ nghĩa cá nhân, cực đoan. Nói khác đi, nguyên tắc lợi ích xã hội cao hơn lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân phải nhất trí với nguyên tắc cân đối hợp lý, hợp tình giữa 3 lợi ích. *Ưu tiên lợi ích toàn thể xã hội*, coi đó là nền tảng và động lực phát triển kinh tế - xã hội lâu bền; song lại trên cơ sở *tiếp tục giải phóng cá nhân, đề cao lợi ích cá nhân* động lực vô hạn của phát triển trong nền kinh tế thị trường dưới sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đường lối quá độ kiểu mới và hiện đại hóa kiểu mới nêu trên chỉ có thể tạo ra sự tăng trưởng kinh tế thị trường với tốc độ và nhịp độ vừa phải, không thể tăng tốc với mọi giá. Song mất cái nọ lại được cái kia. Cái được lại quan trọng và cần thiết hơn: chậm nhưng chắc. Sự phát triển kinh tế - xã hội ổn định, lâu bền sẽ được bảo đảm chính là nhờ định hướng xã hội chủ nghĩa kiểu mới.